



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thiện Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 63600/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Phiếu này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số: 53333/PKN-VKNQG ngày 11 tháng 10 năm 2024

- Tên mẫu: Sữa Bột Nguyên Kem Có Đường - Vinamilk Dielac Super Star
Ký hiệu mẫu: V-SB-82
- Mã số mẫu: 082410045/DV.1
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong bao bì kín. Số lượng: 1.
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Ngày nhận mẫu: 27/08/2024
- Thời gian thử nghiệm: 27/08/2024 - 11/10/2024
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ: Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1	Hàm lượng Carbohydrate (không bao gồm chất xơ)	g/100g	AOAC 2020.07	42,8
9.2*	Hàm lượng Chất béo	g/100g	TCVN 6688-3:2007	27,0
9.3*	Hàm lượng Chất đạm	g/100g	TCVN 8099-1:2015	23,6
9.4*	Hàm lượng Đường tổng số (Galactose, Glucose, Fructose, Sucrose, Maltose, Lactose)	g/100g	NIFC.02.M.13 (HPLC-RID)	41,8
9.5	Năng lượng	kcal/100g	NIFC.02.M.06	509

Ghi chú: Phương pháp NIFC.02.M.13 (HPLC-RID) được công nhận phù hợp với yêu cầu của ISO/IEC 17025:2017 đối với chỉ tiêu Fructose, Glucose, Sucrose và Lactose
Năng lượng = Lipid x 9 + Protein x 4 + Carbohydrat (không bao gồm xơ) x 4
Thay đổi tên mẫu theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2024

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



TS. Lê Thị Phương Thảo



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thiện Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 63619/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Phiếu này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số: 53393/PKN-VKNQG ngày 11 tháng 10 năm 2024

- Tên mẫu: Sữa Bột Nguyên Kem Có Đường - Vinamilk Dielac Super Star
Ký hiệu mẫu: V-SB-82
- Mã số mẫu: 08249389/DV.1
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong bao bì kín. Số lượng: 1.
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Ngày nhận mẫu: 14/08/2024
- Thời gian thử nghiệm: 14/08/2024 - 11/10/2024
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ: Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm: Chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Độ ẩm	g/100g	TCVN 8082:2013	2,93

Ghi chú: Tách chỉ tiêu và thay đổi tên mẫu theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2024

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



TS. Trần Cao Sơn



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thiện Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 63617/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Phiếu này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số: 53393/PKN-VKNQG ngày 11 tháng 10 năm 2024

- Tên mẫu: Sữa Bột Nguyên Kem Có Đường - Vinamilk Dielac Super Star
Ký hiệu mẫu: V-SB-82
- Mã số mẫu: 08249389/DV.1
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong bao bì kín. Số lượng: 1.
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Ngày nhận mẫu: 14/08/2024
- Thời gian thử nghiệm: 14/08/2024 - 11/10/2024
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ: Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Hàm lượng Calci	mg/100g	AOAC 2011.14 (ICP-OES)	890
9.2*	Hàm lượng Chloride	mg/100g	NIFC.03.M.52	809
9.3*	Hàm lượng Kali	mg/100g	AOAC 2011.14 (ICP-OES)	1350
9.4*	Hàm lượng Kẽm	mg/100g	AOAC 2011.14 (ICP-OES)	2,48
9.5*	Hàm lượng Magie	mg/100g	AOAC 2011.14 (ICP-OES)	85,8
9.6*	Hàm lượng Natri	mg/100g	AOAC 2011.14 (ICP-OES)	279
9.7*	Hàm lượng Phosphor	mg/100g	AOAC 2011.14 (ICP-OES)	767

Ghi chú: Tách chỉ tiêu và thay đổi tên mẫu theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2024

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



TS. Trần Cao Sơn



BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thiện Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, TP. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đông Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 63618/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Phiếu này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số: 53393/PKN-VKNQG ngày 11 tháng 10 năm 2024

- Tên mẫu: Sữa Bột Nguyên Kem Có Đường - Vinamilk Dielac Super Star
Ký hiệu mẫu: V-SB-82
- Mã số mẫu: 08249389/DV.1
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong bao bì kín. Số lượng: 1.
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Ngày nhận mẫu: 14/08/2024
- Thời gian thử nghiệm: 14/08/2024 - 11/10/2024
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ: Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Hàm lượng Choline, dạng toàn phần	mg/100g	NIFC.05.M.195 (LC-MS/MS)	127
9.2*	Hàm lượng Acid Pantothenic	mg/100g	NIFC.02.M.15 (HPLC)	1,49
9.3*	Hàm lượng Biotin	µg/100g	NIFC.02.M.293 (LC-MS/MS)	24,0
9.4*	Hàm lượng Vitamin B1 (Thiamin.HCl)	mg/100g	NIFC.02.M.15 (HPLC)	0,41
9.5*	Hàm lượng Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	µg/100g	NIFC.04.M.105 (LC-MS/MS)	2,44
9.6*	Hàm lượng Vitamin B2 (Riboflavin)	mg/100g	NIFC.02.M.15 (HPLC)	1,49

Ghi chú: Tách chỉ tiêu và thay đổi tên mẫu theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2024

KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



TS. Trần Cao Sơn

KT3-08451ATP4/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/11/2024

Page 01/02

1. Tên mẫu : SỮA BỘT NGUYÊN KEM CÓ ĐƯỜNG – VINAMILK DIELAC
Name of sample SUPER STAR
KÝ HIỆU MẪU : V-SB-82
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu
Sample description do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong túi nhựa.
As received sample is contained in plastic bag.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 11/11/2024
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 12/11/2024 – 15/11/2024
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Customer Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh,
Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / *See page* 02/02
Test results

TRƯỜNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỜNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-08451ATP4/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



19/11/2024
 Page 02/02

7. Kết quả thử nghiệm :
 Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/ <i>Limit of Detection</i>	Phạm vi đo/ <i>Range of measurement</i> (≥)	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Hàm lượng vitamin A (retinol + beta caroten), IU/100 g <i>Vitamin A content</i>	QTTN/KT3 206 : 2018 (Ref: TCVN 8972-1:2011) & QTTN/KT3 241 : 2019 (Ref: AOAC (2005.07))	-		2,57 x 10 ³
7.2. Hàm lượng vitamin D (D2+D3), IU/100 g <i>Vitamin D content</i>	QTTN/KT3 175 : 2017 (Ref: AOAC (2011.11))	-		361

QUATEST 3®

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-08451ATP4/1-3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

17/12/2024
 Page 01/01

1. Tên mẫu : **SỮA BỘT NGUYÊN KEM CÓ ĐƯỜNG – VINAMILK DIELAC SUPER STAR**
Name of sample
2. Mô tả mẫu : **KÝ HIỆU MẪU : V-SB-82**
 Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
 Mẫu đựng trong túi nhựa.
As received sample is contained in plastic bag.
Sample description
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 11/11/2024
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 12/11/2024 – 15/11/2024
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**
Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Customer
7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Hàm lượng vitamin D3 (Cholecalciferol), IU/100 g <i>Vitamin D3 content</i>	QTTN/KT3 175 : 2017 (Ref: AOAC (2011.11))	361

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-08244ATP4/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/11/2024
Page 01/06

1. Tên mẫu : SỮA BỘT NGUYÊN KEM CÓ ĐƯỜNG – VINAMILK DIELAC
Name of sample SUPER STAR
KÝ HIỆU MẪU : V-SB-82
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu
Sample description do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer,
sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 04/11/2024
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 05/11/2024 – 15/11/2024
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Customer Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh,
Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02-06/06
Test results

TRƯỜNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỜNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-08244ATP4/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/11/2024
 Page 02/06

7. Kết quả thử nghiệm :
 Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Hàm lượng asen tổng số, mg/kg Total arsenic content	AOAC 2019 (2013.06)	1,00 x 10 ⁻²	Không phát hiện Not detected
7.2. Hàm lượng cadimi, mg/kg Cadmium content	AOAC 2019 (2013.06)	1,00 x 10 ⁻²	Không phát hiện Not detected
7.3. Hàm lượng chì, mg/kg Lead content	QTTN/KT3 196 : 2018 (Ref: AOAC (2013.06))	6,00 x 10 ⁻³	Không phát hiện Not detected
7.4. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg Mercury content	AOAC 2019 (2013.06)	1,00 x 10 ⁻²	Không phát hiện Not detected
7.5. Hàm lượng thiếc, mg/kg Tin content	QTTN/KT3 162 : 2017 (Ref: AOAC (985.16))	2,0	Không phát hiện Not detected
7.6. Hàm lượng aflatoxin M1, µg/kg Aflatoxin M1 content	QTTN/KT3 242 : 2019	0,007	Không phát hiện Not detected
7.7. Hàm lượng ochratoxin A, µg/kg Ochratoxin A content	QTTN/KT3 223 : 2018 (Ref: AOAC (2000.03))	0,1	Không phát hiện Not detected
7.8. Hàm lượng patulin(*), µg/kg Patulin content	QUATEST3 1196:2023 (Ref: TCVN 8161:2009 (EN 14177:2003))	3,0	Không phát hiện Not detected
7.9. Hàm lượng deoxynivalenol (DON), µg/kg Deoxynivalenol content	QTTN/KT3 089 : 2018 (LC/MS/MS)	20	Không phát hiện Not detected
7.10. Hàm lượng zearalenone, µg/kg Zearalenone content	QTTN/KT3 224 : 2018 (Ref: TCVN 9591 : 2013)	5	Không phát hiện Not detected
7.11. Hàm lượng fumonisin (B1 + B2), µg/kg Fumonisin (B1 + B2) content	QTTN/KT3 161 : 2017	25	Không phát hiện Not detected
7.12. Hàm lượng melamin, mg/kg Melamine content	TCVN 9048:2012	0,1	Không phát hiện Not detected

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-08244ATP4/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/11/2024
 Page 03/06

7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/Limit of Detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.13. Hàm lượng thuốc thú y, µg/kg Veterinary drugs content			
• Albendazole	QTTN/KT3 288:2021	10	Không phát hiện Not detected
• Amoxicillin	QTTN/KT3 288:2021	2	Không phát hiện Not detected
• Benzylpenicillin	QTTN/KT3 288:2021	2	Không phát hiện Not detected
• Procainbenzylpenicillin	QTTN/KT3 288:2021	2	Không phát hiện Not detected
• Ceftiofur	QTTN/KT3 288:2021	10	Không phát hiện Not detected
• Chlortetracycline	QTTN/KT3 288:2021	10	Không phát hiện Not detected
• Oxytetracycline	QTTN/KT3 288:2021	10	Không phát hiện Not detected
• Tetracycline	QTTN/KT3 288:2021	10	Không phát hiện Not detected
• Clenbuterol	QTTN/KT3 288:2021	0,025	Không phát hiện Not detected
• Colistin	QTTN/KT3 288:2021	15	Không phát hiện Not detected
• Dexamethasone (glucocorticosteroid)	QTTN/KT3 288:2021	0,15	Không phát hiện Not detected
• Dihydrostreptomycin	QTTN/KT3 288:2021	30	Không phát hiện Not detected
• Streptomycin	QTTN/KT3 288:2021	30	Không phát hiện Not detected
• Diminazene	QTTN/KT3 288:2021	50	Không phát hiện Not detected
• Doramectin	QTTN/KT3 288:2021	5	Không phát hiện Not detected
• Eprinomectin	QTTN/KT3 288:2021	5	Không phát hiện Not detected
• Febantel	QTTN/KT3 288:2021	10	Không phát hiện Not detected
• Fenbendazole	QTTN/KT3 288:2021	10	Không phát hiện Not detected

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-08244ATP4/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/11/2024
 Page 04/06

7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/Limit of Detection	Kết quả thử nghiệm Test result
• Ox fendazole	QTTN/KT3 288:2021	10	Không phát hiện Not detected
• Gentamicin	QTTN/KT3 288:2021	30	Không phát hiện Not detected
• Imidocarb	QTTN/KT3 288:2021	10	Không phát hiện Not detected
• Isometamidium	QTTN/KT3 288:2021	50	Không phát hiện Not detected
• Ivermectin	QTTN/KT3 288:2021	5	Không phát hiện Not detected
• Lincomycin	QTTN/KT3 288:2021	50	Không phát hiện Not detected
• Neomycin	QTTN/KT3 288:2021	30	Không phát hiện Not detected
• Pirlimycin	QTTN/KT3 288:2021	10	Không phát hiện Not detected
• Spectinomycin	QTTN/KT3 288:2021	30	Không phát hiện Not detected
• Spiramycin	QTTN/KT3 288:2021	50	Không phát hiện Not detected
• Sulfadimidine	QTTN/KT3 288:2021	10	Không phát hiện Not detected
• Thiabendazole	QTTN/KT3 288:2021	10	Không phát hiện Not detected
• Tylosin	QTTN/KT3 288:2021	10	Không phát hiện Not detected
• Monensin	QTTN/KT3 288:2021	1	Không phát hiện Not detected
• Cyfluthrin	EN 15662 : 2018	10	Không phát hiện Not detected
• Cyhalothrin	EN 15662 : 2018	10	Không phát hiện Not detected
• Cypermethrin & Alpha - cypermethrin	EN 15662 : 2018	10	Không phát hiện Not detected
• Deltamethrin	EN 15662 : 2018	10	Không phát hiện Not detected
• Trichlorfon (metrifonate)	EN 15662 : 2018	10	Không phát hiện Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-08244ATP4/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/11/2024
 Page 05/06

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of Detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.14. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật, <i>Pesticide content</i> mg/kg			
• Aldrin and dieldrin	EN 15662 : 2018	0,005	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• DDT (tổng của p,p'-DDT, o,p'-DDT, p,p'-DDE và p,p'-TDE (DDD))	EN 15662 : 2018	0,005	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Endosulfan	EN 15662 : 2018	0,005	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Heptachlor	EN 15662 : 2018	0,005	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Lindane	EN 15662 : 2018	0,005	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Chlordane	EN 15662 : 2018	0,002	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Methamidophos	EN 15662 : 2018	0,0025	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Abamectin	EN 15662:2018	0,0025	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Chlormequat	QTTN/KT3 273:2020	0,005	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Chlorpyrifos	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Dimethoate	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Disulfoton	QTTN/KT3 272:2020	0,005	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Ethephone	QTTN/KT3 274:2020	0,025	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Fipronil	EN 15662:2018	0,001	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Flumethrin	EN 15662:2018	0,025	Không phát hiện <i>Not detected</i>

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-08244ATP4/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

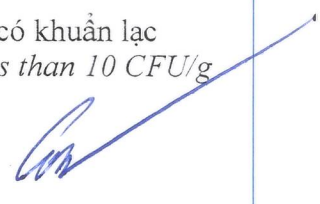
19/11/2024
 Page 06/06

7. Kết quả thử nghiệm :
 Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Kết quả thử nghiệm Test result
• Penconazole	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện Not detected
• Piperonyl butoxide	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện Not detected
• Spinosad	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện Not detected
• Tebufenozide	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện Not detected
7.15. <i>Salmonella</i> spp/ 25 g	ISO 6579-1:2017/ Amd.1:2020	-	Không phát hiện Not detected
7.16. Enterobacteriaceae, CFU/g	ISO 21528-2 : 2017	-	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than
7.17. Staphylococci có phản ứng dương tính với coagulase, CFU/g (<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác)	ISO 6888-1:2021/ Amd-1:2023	-	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than
7.18. Staphylococcal enterotoxin/25g	ISO 19020:2017	-	Không phát hiện Not detected
7.19. <i>Listeria monocytogenes</i> , CFU/g	ISO 11290 – 2 : 2017	-	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾ Less than

Ghi chú/ Notes:

(1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-08244ATP4/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/12/2024
Page 01/07

- Tên mẫu
Name of sample : **SỮA BỘT NGUYÊN KEM CÓ ĐƯỜNG – VINAMILK DIELAC SUPER STAR**
KÝ HIỆU MẪU : V-SB-82
- Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 04/11/2024
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 16/12/2024 – 19/12/2024
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM**
Số 10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh,
Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / See page 02-07/07

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-08244ATP4/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/12/2024
 Page 02/07

7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/Limit of Detection	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Hàm lượng antimon, Antimony content	mg/kg QTTN/KT3 197 : 2018 (Ref: AOAC (2015.06))	1,00 x 10 ⁻²	Không phát hiện Not detected
7.2. Hàm lượng / content, • 2,4-D	mg/kg EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện Not detected
• Acephate	QTTN/KT3 273:2020	0,005	Không phát hiện Not detected
• Aldicarb	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện Not detected
• Aminopyralid	QTTN/KT3 272:2020	0,005	Không phát hiện Not detected
• Amitraz	EN 15662:2018	0,0025	Không phát hiện Not detected
• Bentazone	EN 15662:2018	0,005	Không phát hiện Not detected
• Bifenazate	QTTN/KT3 273:2020	0,005	Không phát hiện Not detected
• Bifenthrin	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện Not detected
• Bitertanol	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện Not detected
• Carbaryl	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện Not detected
• Carbendazim	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện Not detected

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-08244ATP4/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/12/2024
 Page 03/07

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/ <i>Limit of Detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
• Carbofuran	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Carbosulfan	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Chlorpropham	EN 15662:2018	0,0005	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Chlorpyrifos-methyl	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Clethodim	QTTN/KT3 273:2020	0,005	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Clofentezine	EN 15662:2018	0,025	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Cyhexatin	QTTN/KT3 272:2020	0,025	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Cyprodinil	EN 15662:2018	0,00025	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Cyromazine	QTTN/KT3 273:2020	0,005	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Dichlorvos	EN 15662:2018	0,0025	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Difenoconazole	EN 15662:2018	0,005	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Dimethenamid-P	EN 15662:2018	0,005	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Dimethipin	EN 15662:2018	0,005	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Dimethomorph	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Diquat	QTTN/KT3 274:2020	0,005	Không phát hiện <i>Not detected</i>

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-08244ATP4/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/12/2024
 Page 04/07

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/ <i>Limit of Detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
• Dithiocarbamates ⁽¹⁾	QTTN/KT3 059:2018	0,05	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Ethoprophos	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Fenamiphos	EN 15662:2018	0,0025	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Fenbuconazole	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Fenbutatin oxide	QTTN/KT3 272:2020	0,025	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Fenpropimorph	EN 15662:2018	0,005	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Fludioxonil	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Flutolanil	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Glufosinate-Ammonium	QTTN/KT3 274:2020	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Imidacloprid	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Indoxacarb	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Kresoxim-methyl	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Methidathion	EN 15662:2018	0,001	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Methomyl	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-08244ATP4/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/12/2024
 Page 05/07

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/ <i>Limit of Detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
• Methoxyfenozide	EN 15662:2018	0,005	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Myclobutanil	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Novaluron	EN 15662:2018	0,005	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Oxamyl	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Oxydemeton-Methyl	EN 15662:2018	0,005	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Paraquat	QTTN/KT3 274:2020	0,0025	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Pirimicarb	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Pirimiphos-methyl	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Prochloraz	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Profenofos	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Propamocarb	QTTN/KT3 273:2020	0,005	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Propiconazole	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Pyraclostrobin	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Pyrimethanil	EN 15662:2018	0,005	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Quinoxifen	EN 15662:2018	0,005	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Tebuconazole	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-08244ATP4/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/12/2024
 Page 06/07

7. Kết quả thử nghiệm :
 Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện/ <i>Limit of Detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
• Terbufos	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Thiachloprid	EN 15662:2018	0,0025	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Triadimefon	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Triadimenol	EN 15662:2018	0,005	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Trifloxystrobin	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Vinclozolin	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Diazinon	EN 15662:2018	0,005	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Dicofol	EN 15662:2018	0,005	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Diflubenzuron	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Diphenylamine	EN 15662:2018	0,0004	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Famoxadone	QTTN/KT3 272:2020	0,005	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Fenhexamid	EN 15662:2018	0,005	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Fenpropathrin	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Fenpyroximate	QTTN/KT3 272:2020	0,0025	Không phát hiện <i>Not detected</i>

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-08244ATP4/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

19/12/2024
Page 07/07

7. Kết quả thử nghiệm
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/Limit of Detection	Kết quả thử nghiệm Test result
• Fenvalerate	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện Not detected
• Flusilazole	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện Not detected
• Methoprene	EN 15662:2018	0,005	Không phát hiện Not detected
• Permethrin	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện Not detected
• Phorate	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện Not detected
• Propargite	EN 15662:2018	0,01	Không phát hiện Not detected

Ghi chú/Notes: (1): Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm dithiocarbamat khảo sát trên/
Dithiocarbamate content was determined based on the following compound:
Mancozeb; Propineb; Zineb.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.